



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Tên tiếng Anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: **Interserco**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100110052 cấp lần đầu ngày 20/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30/11/2016.
- Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: +84-243 562 0136
- Số fax: +84-243 853 4163
- Website: <https://ils.com.vn>
- Mã cổ phiếu: ILS

II. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có lịch sử hình thành và phát triển qua các mốc thời gian như sau:

1. Thành lập và quá trình hoạt động:

- Tháng 4/1980 UBND thành phố Hà Nội quyết định thành lập Trạm tiếp nhận Lao động đi nước ngoài.
- Ngày 05/10/1985 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3714/QĐ-TC đổi tên và thành lập Trạm lao động Hợp tác quốc tế là đơn vị sự nghiệp, được mở tài khoản và sử dụng con dấu riêng.
- Ngày 15/8/1987 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3404/QĐ-UB thành lập Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế trực thuộc Sở Lao động – TBXH thành phố Hà Nội là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có

tài khoản, con dấu riêng.

- Ngày 24/12/1988 UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 6599/QĐ-UB sáp nhập Trạm dịch vụ trả hàng Hợp tác lao động vào Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế là đơn vị kinh tế kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản, con dấu riêng.
- Ngày 26/03/1993 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 1248/QĐ-UB thành lập và bổ sung thêm chức năng nhiệm vụ cho Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế là doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức và hoạt động theo hình thức hạch toán kinh tế độc lập, vốn điều lệ là 1,053 tỷ đồng.
- Ngày 18/6/2004 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3817/QĐ-UB đổi tên Công ty Dịch vụ lao động Hợp tác quốc tế thành Công ty Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế. Doanh nghiệp hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề, vốn điều lệ là 14 tỷ đồng.
- Ngày 13/12/2005 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 218/2005/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế. Doanh nghiệp hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề, vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.
- Ngày 05/04/2010 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 1058/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Ngày 01/06/2010 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 2417/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty TNHH nhà nước một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Ngày 26/08/2010 UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, vốn điều lệ là 235.000.000.000 đồng.
- Ngày 30/09/2014 UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5016/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế - INTERSERCO.

2. Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:

Ngày 30/11/2016, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và chuyển đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0100110052 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 30/11/2016 với mức vốn điều lệ là: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

3. Công ty đại chúng:

Ngày 28/02/2018, Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 10/2018/GCNCP-VSD, cụ thể như sau:

- Mã chứng khoán: ILS.
- Sàn niêm yết: UPCOM.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 36.000.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

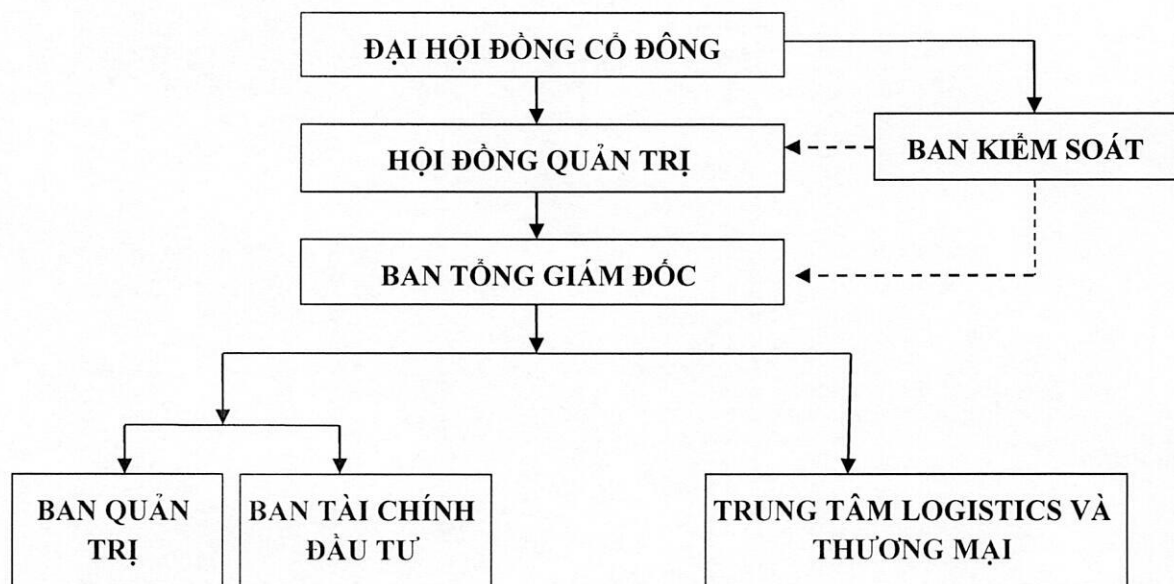
III. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ logistics;
- Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh; Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

IV. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý:



- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên:

- Ông Phùng Tiến Toàn: Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Thái Hòa: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc;
- Bà Phùng Thúy Hoa: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc;
- Ông Vũ Hoàng Thao: Thành viên;
- Ông Nguyễn Văn Thịnh: Thành viên.

- **Ban Kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều

hành của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên.

1. Bà Ngô Thị Hoàng Yến - Trưởng Ban Kiểm soát;
2. Ông Phạm Xuân Phương - Thành viên Ban Kiểm soát;
3. Bà Nguyễn Minh Hào - Thành viên Ban Kiểm soát.

- **Ban Tổng giám đốc:** Ban Tổng giám đốc của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Thành viên Ban Tổng giám đốc: 01 Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc.

1. Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng giám đốc;
2. Bà Phùng Thúy Hoa - Phó Tổng giám đốc;
3. Ông Lê Vĩnh Phúc - Phó Tổng giám đốc;
4. Ông Mai Thế Tùng - Phó Tổng giám đốc.

- **Ban Quản trị:** tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác:

• Quản trị và phát triển nguồn nhân lực (bao gồm người đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại các đơn vị Công ty có góp vốn);

- Chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Quản trị văn phòng, hành chính, văn thư - lưu trữ;
- Đào tạo, Quản lý chất lượng (ISO);
- Thư ký Công ty;
- Thi đua, khen thưởng, kỷ luật, Đảng, đoàn thể, tổ chức xã hội;
- An ninh, an toàn, vệ sinh lao động, PCCC;
- Công nghệ thông tin (IT);
- Đầu tư – mua sắm;
- Kỹ thuật, quản lý cơ sở hạ tầng, tài sản, trang thiết bị.

- **Ban Tài chính – Đầu tư:** Tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác:

- Kế toán tài chính, kế toán quản trị – hạch toán, thống kê;
- Quản trị tài chính;
- Quản lý phần vốn của Công ty tại các đơn vị Công ty có góp vốn;
- Quản lý cổ đông;
- Tư vấn pháp lý;
- Đầu tư dự án;
- Đầu tư tài chính;

- Kiểm soát rủi ro; kiểm toán nội bộ;
- Xây dựng quy chế, quy định về quản lý tài chính, quản lý vốn để thực hiện công tác quản trị và hướng dẫn các chính sách tài chính trong toàn hệ thống Công ty;
- Xây dựng chế độ chính sách, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ... liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng dự án trong toàn Công ty;
- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty thực hiện chế độ chính sách, quy định của Nhà nước và quy định, quyết định của Công ty trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng dự án.

- **Trung tâm Logistics và Thương mại:** Tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo Công ty thực hiện các công tác:

- Phát triển và quản trị thương hiệu, công tác truyền thông của Công ty và hệ thống;
- Xây dựng định hướng, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Nghiên cứu và phát triển thị trường;
- Kinh doanh các dịch vụ cốt lõi của Công ty và hệ thống;
- Tìm kiếm nguồn đầu tư, đối tác đầu tư phục vụ mục đích phát triển của Công ty;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ logistics, vận tải đa phương thức, tăng cường hợp tác kinh doanh đối ngoại;
- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty thực hiện chế độ chính sách, quy định của Nhà nước và quy định của Công ty trong công tác quản lý và điều hành.

2. Danh sách công ty con, Công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2019

a. Công ty con:

1. Công ty cổ phần Cảng Sơn Tây

- ♦ Địa chỉ: Số 302, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, cho thuê kho bãi, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 51%.

2. Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình

- ♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ phụ trợ, dịch vụ hải quan, giao nhận, vận tải nội địa, đường biển và đường hàng không.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 58,65%.

3. Công ty cổ phần Cung ứng Nhân Lực và Thương mại Quốc tế

- ♦ Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 51%.

4. Công ty cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam

- ♦ Địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Thương mại Interserco, số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê văn phòng, bán buôn và bán lẻ xe có động cơ.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 65.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ sở hữu của Interserco: 51%.

b. Công ty liên kết:

1. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá An Bình

- ♦ Địa chỉ: Số nhà 341, đường Nguyễn Tất Thành, tổ 6, khu 2, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, Yên Bái.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Buôn bán kim loại và quặng kim loại.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 50.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 10%.

2. Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam

- ♦ Địa chỉ: Số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 2.600.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 29%.

3. Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN - Interserco Việt Nam

- ♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 3.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 40%.

Hiện nay Công ty đã ngừng kinh doanh.

4. Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng

- ♦ Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Trung tâm điều hành, số 5 Lý Tự Trọng, phường Hoàng

Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn thực phẩm.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 6.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 30%.

Hiện nay Công ty đang trong quá trình tiến hành giải thể.

5. Công ty cổ phần Interserco – CB

- ♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; Công trình công ích, đường sắt và đường bộ, nhà các loại.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 40.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 31,25%

6. Công ty cổ phần Interserco số 19

- ♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 6.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 20%

7. Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Quốc tế

- ♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 198.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 32%

8. Công ty TNHH Interserco Cao Bằng

- ♦ Địa chỉ: Thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, Cao Bằng.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất giày dép, xây dựng nhà các loại, Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 8.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 29%

9. Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội

- ♦ Địa chỉ: Xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 15.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 30%.

10. Công ty May liên doanh Plummy

- ♦ Địa chỉ: Khu tái định cư Hòa Phú, Phú Mãn, huyện Quốc Oai, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: May trang phục.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 1.851.259,94 đô la Mỹ (*Theo Quyết định cấp giấy phép đầu tư số 43/GP-HT của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây*)
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 22,6%.

11. Công ty cổ phần Chuỗi Cung ứng Liên hợp

- ♦ Địa chỉ: Số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: hoạt động logistics, thương mại điện tử, thương mại xuyên biên giới, đầu tư xây dựng và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật, đầu tư tài chính và cung ứng các nguồn lực khác.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 20.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 49%.

12. Công ty cổ phần Tây Tây Bắc

- ♦ Địa chỉ: Xã Nậm Long, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 10.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 25%.

Hiện nay Công ty cổ phần Tây Tây Bắc đang hoàn tất thủ tục giải thể.

13. Công ty cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam

- ♦ Địa chỉ: Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 10.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 30,6%.

14. Công ty Cổ phần Logistics Tây Ninh

- ♦ Địa chỉ: 338B, đường 30/4, KP. Thương Mại, Khu phố 1, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- ♦ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ logistics.
- ♦ Vốn điều lệ Công ty: 450.000.000.000 đồng.
- ♦ Tỷ lệ đăng ký góp vốn của Interserco: 25%.

V. Định hướng phát triển

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sứ mệnh:

Phát triển ngành dịch vụ logistics, góp phần thúc đẩy nền kinh tế tri thức và cách

mạng công nghệ 4.0 – nền kinh tế chia sẻ tại Việt Nam; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế tiếp cận thị trường hiệu quả và bền vững.

- Tầm nhìn:

Thiết lập mạng lưới hoạt động hiệu quả với công nghệ quản lý tiên tiến, hạ tầng đồng bộ. ILS hướng tới vị thế doanh nghiệp dẫn đầu về dịch vụ logistics tích hợp tiêu chuẩn quốc tế tại Việt Nam và là đối tác chiến lược của khách hàng trong và ngoài nước.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty có định hướng phát triển với mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics trọn gói trong nước và quốc tế, đặc biệt là tuyến hành lang cảng Hải Phòng - Vân Nam và Quảng Tây, Trung Quốc (cửa khẩu biên giới Trà Lĩnh, Cao Bằng giáp với tỉnh Quảng Tây). Đi tiên phong trong lĩnh vực phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam và vươn ra thị trường quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới, Công ty đã xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể như: kế hoạch đầu tư di dời cảng đến địa điểm mới tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội với quy mô diện tích gấp khoảng 04 lần hiện tại; đầu tư thêm hệ thống trang thiết bị để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống Trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, vùng đồng bằng sông Hồng (Thủ đô Hà Nội và các vùng thuộc thủ đô) sẽ xây dựng 01 trung tâm hạng I và 01 trung tâm hạng II - giai đoạn 2020, trung tâm Bắc Hà Nội có quy mô tối thiểu 20ha; trung tâm Nam Hà Nội quy mô tối thiểu 15ha; kết nối với các cảng cạn, cảng biển (Hải Phòng và Cái Lân) và các cảng hàng không (trọng điểm là cảng Hàng không quốc tế Nội Bài), các bến xe, nhà ga, các khu công nghiệp; phạm vi hoạt động chủ yếu là địa bàn Hà Nội và các địa phương thuộc vùng thủ đô, các tỉnh lân cận phía Bắc và phía Nam Hà Nội.

Xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thành cảng ICD tiêu chuẩn, hiện đại là đầu mối cho hàng hóa XNK chuyên cảng về vùng Thủ đô, dự trữ phân phối hàng hóa đồng thời là tổng kho đầu mối cung cấp hàng hóa thương mại điện tử.

Xây dựng Trung tâm logistics tại cửa khẩu biên giới Trà Lĩnh, Cao Bằng thành địa điểm đầu - cuối tập kết xử lý hàng hóa xuất nhập khẩu và hình thành chợ biên giới trong khu hợp tác kinh tế qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Dựa trên điều kiện và năng lực thực tế, Công ty xác định hướng phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển chung của Chính phủ, của thành phố và xu hướng, nhu cầu của thị trường; với chiến lược đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2016 - 2021 đã được ĐHCĐ lần

thứ nhất thông qua ngày 18/11/2016. Các mục tiêu đề ra:

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng quy mô nhằm đem lại sự hài lòng tối đa cho khách hàng thông qua chất lượng dịch vụ và giá trị gia tăng lớn nhất;
- Duy trì, tìm kiếm các khách hàng tiềm năng nhằm mở rộng thị trường;
- Hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hàng năm;
- Phát triển thương hiệu ILS nhằm nâng cao giá trị và sức mạnh thương hiệu;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống ILS, các giải pháp quản trị tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và hệ thống.

3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

Nhằm tạo ra môi trường làm việc an toàn, ngăn nắp, thân thiện, có hiệu suất cao và có thể ngăn ngừa các sự cố có thể xảy ra, góp phần nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp, hiệu quả cho công việc chung, Công ty đã triển khai chương trình 5S (*Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng - Sẵn sàng*) đến các phòng ban, hướng tới mục tiêu triển khai chương trình đến tất cả các Công ty thành viên thuộc hệ thống.

Song song với việc phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty luôn hướng tới trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua các cách thức như: hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội, phúc lợi cho CBCNV, tham gia các hoạt động ủng hộ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn,...

Mục tiêu hoạt động của Công ty đều nhằm hướng đến việc đảm bảo lợi ích của khách hàng, cổ đông, các thành viên của Công ty và lợi ích của cộng đồng và xã hội.

VI. Các rủi ro

1. Rủi ro cạnh tranh:

Việt Nam tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới có tác động tích cực lẫn tiêu cực tới hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt là sự xuất hiện của các doanh nghiệp có nguồn vốn ngoại, liên doanh với các đối tác nước ngoài, sự cạnh tranh về giá đã tạo ra những áp lực đáng kể tới hoạt động của Công ty nói riêng. Xác định được tình hình thị trường, Công ty luôn cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ, tích hợp dịch vụ và tập trung tìm kiếm thêm khách hàng mới để có thể cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

2. Rủi ro về lãi suất

Một trong những định hướng chiến lược của Công ty là mở rộng quy mô hoạt động. Vì vậy, việc huy động vốn là điều tất yếu phải thực hiện. Sự biến động về lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí lãi vay và chi phí đầu tư xây dựng.

Công ty luôn chủ động tiếp cận các nguồn tín dụng và đạt được thỏa thuận vay vốn hợp lý nhằm đảm bảo cơ cấu nợ và vốn chủ phù hợp với từng thời điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; đồng thời cân đối chi phí, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		Thực hiện năm 2019	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	62.500	210.100	79.599	174.892
2	Tổng chi phí	62.500	203.800	88.448	176.737
3	Lợi nhuận trước thuế	-	6.300	(8.849)	(1.845)
4	Lợi nhuận sau thuế	-	5.040	(8.849)	(3.600)

Tổng kết năm 2019, doanh thu riêng (Công ty mẹ) của Interserco đạt mức 79.599 triệu đồng, vượt 27,4% so với kế hoạch. Doanh thu riêng năm 2019 tập trung ở các hoạt động khai thác cảng, cho thuê văn phòng; dịch vụ logistics hàng không, đường bộ và đường biển; phân phối thương mại và đầu tư tài chính.

Năm 2019, Interserco thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi số tiền 7.071 triệu đồng, dự phòng đầu tư tài chính số tiền 2.133 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng.

Việc thực hiện trích lập dự phòng chính là nguyên nhân dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Interserco lỗ 8.849 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế toàn hệ thống lỗ 3.600 triệu đồng. Nếu loại trừ khoản trích lập dự phòng, kết quả kinh doanh trong kỳ như sau:

- Kết quả kinh doanh riêng:
 - Lợi nhuận trước thuế: 355.293.883 đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 355.293.883 đồng (do Công ty chưa phải nộp thuế TNDN).
- Kết quả kinh doanh hợp nhất:
 - Lợi nhuận trước thuế: 7.358.824.809 đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 5.604.535.090 đồng.

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Thái Hòa	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
3	Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
4	Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng giám đốc
5	Mai Thế Tùng	Phó Tổng giám đốc
6	Bùi Ngọc Cường	Giám đốc Trung tâm Logistics và Thương mại
7	Triệu Văn Bằng	Trưởng Ban Tài chính - Đầu tư
8	Đào Lan Hương	Trưởng ban Quản trị

2. Tóm tắt lý lịch của thành viên Ban điều hành:

2.1 Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Họ và tên: **Phùng Tiến Toàn** Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 07/12/1955 Nơi sinh: Hà Nội
c. Quốc tịch: Việt Nam
d. Giấy CMND số: 001055005133
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQLCT&DLQG về dân cư Ngày cấp: 26/6/2016
e. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
04/1979 - 12/1982	Cán bộ	Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội
01/1983 - 04/1992	Cán bộ	Trạm lao động hợp tác quốc tế nay đổi tên là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế
05/1992 – 01/1995	Trưởng văn phòng đại diện, Phó phòng KH Kinh doanh	Văn phòng đại diện Công ty INTERSERCO tại Liên bang Nga
02/1995 - 09/1998	Trưởng phòng kinh doanh XNK	Công ty INTERSERCO
10/1998 – 02/2001	Phó Giám đốc	Công ty INTERSERCO
03/2001 – 01/2002	Quyền Giám đốc	Công ty INTERSERCO
02/2002 – 11/2006	Giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2006 – 11/2010	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO

12/2010 – 11/2016	Chủ tịch HĐQT	Công ty INTERSERCO
12/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 7.020.000 cổ phiếu, chiếm 19,5% vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.620.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,5% vốn điều lệ;

- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước): 5.400.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15% vốn điều lệ.

2.2 Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng Giám đốc

a. Họ và tên: **Nguyễn Thái Hòa** Giới tính: Nam

b. Ngày tháng năm sinh: 08/06/1976 Nơi sinh: Quảng Ninh

c. Quốc tịch: Việt Nam

d. Giấy CMND số: 022076000057

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQLCT&DLQG về dân cư Ngày cấp: 06/05/2015

e. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

f. Quá trình làm việc:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
09/1999 - 08/2008	Trưởng phòng khai thác	Công ty vận tải biển Vinalines
01/2010 - 05/2010	Trưởng cửa khẩu Nội Bài	Công ty chuyên phát nhanh DHL và VNPT
06/2010 - 09/2013	Giám đốc Marketing	Công ty TNHH cảng container Quốc tế Cái Lân
04/2014 - 05/2015	Phó Giám đốc	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh
06/2015 - 11/2016	Tổng giám đốc	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam (ACSV)
12/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 3.888.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,8% vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ;

- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn của Công ty CP Logistics Hàng không): 3.888.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,8% vốn điều lệ.

2.3 Bà Phùng Thúy Hoa – Phó Tổng Giám đốc

a. Họ và tên: **Phùng Thúy Hoa** Giới tính: Nữ

b. Ngày tháng năm sinh: 14/01/1981 Nơi sinh: Hà Nội

c. Quốc tịch: Việt Nam

d. Giấy CMND số: 012030193;

Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội; Cấp ngày: 23/9/2003

e. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

f. Quá trình làm việc:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
09/2004 - 05/2011	Chuyên viên phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
06/2011 - 04/2012	Phó Trưởng phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
04/2012 - 03/2013	Quyền Trưởng phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
04/2013 đến 07/2014	Trưởng phòng Thị trường Đối ngoại	Công ty INTERSERCO
08/2014 - 11/2016	Phó Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 5.321.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,7825% vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 641.700 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,7825% vốn điều lệ;

- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước): 4.680.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 13% vốn điều lệ.

2.4 Ông Lê Vĩnh Phúc – Phó Tổng Giám đốc

a. Họ và tên: Lê Vĩnh Phúc Giới tính: Nam

b. Ngày tháng năm sinh: 26/06/1960 Nơi sinh: Vĩnh Phúc

c. Quốc tịch: Việt Nam

d. Giấy CMND số: 010295407 Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội Cấp ngày: 17/3/2008

e. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

f. Quá trình làm việc:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
1983 - 1992	Cán bộ	Viện nghiên cứu KT VT-TC KTTV Hà Nội
1992 - 1995	Tổng giám đốc	Công ty TNHH TASAMEX
11/1994 - 12/1994	Cán bộ đại diện Công ty tại Cộng hòa Liên Bang Nga	Công ty INTERSERCO

01/1995 - T11/2007	Trưởng Văn phòng Đại diện	Công ty INTERSERCO
12/2007 - 11/2016	Phó Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO
12/2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 4.323.000 cổ phần, chiếm 12,008 % vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ

- Được ủy quyền (đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước): 4.320.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ.

2.5 Ông Mai Thế Tùng - Phó Tổng Giám đốc

a. Họ và tên: **Mai Thế Tùng** Giới tính: Nam

b. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1963 Nơi sinh: Thanh Hóa

c. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

d. Số CMND: 012870421 Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội Ngày cấp: 17/04/2006

e. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật chuyên ngành xây dựng công trình ngầm

f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
08/1985 - 10/1987	Cán bộ kỹ thuật, kíp trưởng (cao độ 30)	Công ty XDCT Ngâm, Tổng công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà
10/1987 - 10/1990	Khu trưởng	Khu Trại Nhân, Công trình thủy điện Hòa Bình-Sông Đà
10/1993 - 10/1994	Phó Giám đốc	Chi nhánh Công ty XDCT Ngâm (Tổng Công ty XD Sông Đà) tại Hà Nội
10/1994 - 10/1996	Phó Giám đốc	Xí nghiệp đá Trung Mầu (Công ty XDCT Ngâm - Tổng Công ty Sông Đà)
10/1996 - 11/1997	Phó Giám đốc	Chi nhánh công ty xây dựng sông Đà 14 tại Hà Nội
11/1997 - 11/2004	Chuyên viên chính	Vụ kế hoạch-Thống kê Bộ Xây dựng
11/2004 - 02/2007	Phó Trưởng phòng	Phòng tổng hợp-Văn phòng Bộ Xây dựng
02/2007 - 04/2008	Phó Tổng giám đốc	Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng
04/2007 - 10/2009	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc	Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng và Công ty xây dựng và Đầu tư Bạch Đằng 6
04/2010 - 12/2010	Phó Tổng giám đốc kiêm Hiệu trưởng	Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng và Trường Trung cấp kỹ thuật - nghiệp vụ Hải phòng

12/2010 - 10/2011	Phó Tổng giám đốc	Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng
10/2011 - 3/2016	Phó Giám đốc Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (Mới)
3/2016 - 11/2016	Trưởng Ban dự án	Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế
12/2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

2.6 Ông Bùi Ngọc Cường – Giám đốc Trung tâm Logistics và Thương mại

- a. Họ và tên: **Bùi Ngọc Cường** Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 22/9/1970 Nơi sinh: Hà Nội
c. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
d. Số CMND: 013306322 Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội Ngày cấp: 13/5/2010
e. Trình độ chuyên môn: Cử nhân tiếng Anh
f. Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ	Đơn vị công tác
03/1993 – 06/1996	Trợ lý Hành chính	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Hồ Chí Minh (UNDP)
06/1996 – 03/2000	Trợ lý Giám đốc điều hành	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Hà Nội (UNDP)
04/2002 – 08/2018	Giám đốc Kinh doanh Hàng không	Chi nhánh Korean Air Hà Nội
09/2018 đến nay	Giám đốc Trung tâm Logistics và Thương mại	Công ty INTERSERCO

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

2.7 Ông Triệu Văn Bằng - Trưởng ban Tài chính – Đầu tư

- a. Họ và tên: **Triệu Văn Bằng** Giới tính: Nam
b. Ngày tháng năm sinh: 07/7/1976 Nơi sinh: Phú Thọ
c. Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
d. Số CMND: 012997319; Nơi cấp: CA Thành phố Hà Nội; Ngày cấp: 31/08/2007
e. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
f. Quá trình công tác:

06/2011 - 03/2012	Thư ký Tổng giám đốc kiêm kiểm soát viên nội bộ	Công ty Interserco
04/2012 – 01/2013	Phó Chánh Văn phòng kiêm kiểm soát viên nội bộ	Công ty Interserco
02/2013 - 09/2014	Phó Chánh Văn phòng kiêm Kiểm soát viên	Công ty Interserco
10/2014 – 12/2016	Chánh Văn phòng kiêm Kiểm soát viên	Công ty Interserco
12/2016 đến nay	Trưởng Ban Quản trị	Công ty Interserco

g. Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty tại thời điểm 31/12/2019: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn Công ty có 62 cán bộ nhân viên, với cơ cấu trình độ như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Trên Đại học, Đại học	44	71
2	Cao đẳng	2	3,2
3	Trung cấp, sơ cấp	4	6,5
4	Lao động phổ thông	12	19,3
5	Lao động khác	0	0
Tổng số		62	100%

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

1. Đầu tư tài chính:

Năm 2019, Công ty đã thực hiện góp vốn đầu tư (bằng tiền) với tổng số tiền 125.480 triệu đồng. Chi tiết gồm:

- Công ty cổ phần Logistics Tây Ninh: 112.500 triệu đồng;
- Công ty cổ phần Chuỗi cung ứng liên hợp: 6.860 triệu đồng;
- Công ty cổ phần CUNL và TMQT: 6.120 triệu đồng.

2. Đầu tư dự án và tình hình thực hiện dự án:

a. Dự án ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Lũy kế giá trị đã thực hiện đến 31/12/2019 ước đạt 226,650 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư: 5,883 tỷ đồng;
- Chi phí giai đoạn thực hiện đầu tư: 220,766 tỷ đồng, gồm:
 - + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 13,817 tỷ đồng;
 - + Chi phí BT, HT GPMB: 148,393 tỷ đồng;
 - + Chi phí xây dựng: 45,545 tỷ đồng;

+ Chi phí khác: 13,009 tỷ đồng;

b. Dự án Trung tâm Logistics tại Huyện Trà Lĩnh - Tỉnh Cao Bằng

- Lũy kế giá trị thực hiện đến 31/12/2019: 1.099.883.764 đồng.

- Ngày 26/12/2018, UBND tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định số 2195/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết khu trung chuyên phục vụ XNK hàng hoá nông, lâm, thủy sản tại cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2016 – 2025.

- Ngày 05/6/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng đã xác định, bàn giao mốc ranh giới quy hoạch dự án tại Biên bản bàn số 1302/BB-BQL.

- Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã và đang triển khai thực hiện một số gói thầu:

+ Đo đạc bản đồ địa chính, cắm mốc giải phóng mặt bằng;

+ Lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án đầu tư;

+ Rà phá bom mìn, vật nổ;

+ Khảo sát địa chất công trình.

III. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng / Giảm
Tổng giá trị tài sản	692.164	839.564	21,3%
Doanh thu thuần	179.767	159.226	-11,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.540	(1.150)	-
Lợi nhuận khác	1.783	(696)	-
Lợi nhuận trước thuế	5.323	(1.845)	-
Lợi nhuận sau thuế	4.458	(3.600)	-

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,48	0,87	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,4	0,83	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,51	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,69	1,05	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	8,17	10,51	
Giá vốn hàng bán/ Số dư hàng tồn kho			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,26	0,21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0248	-0,0226	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,011	-0,0088	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0064	-0,0043	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	-0,007	

IV. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

- Tên CK: **Cổ phiếu công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế**
- Mã chứng khoán: **ILS**
- Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: **36.000.000 cổ phiếu**
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: **9.809.200 cổ phần tương ứng 27,25% tổng số cổ phần đang lưu hành, trong đó:**
 - Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của CBNV đăng ký mua theo số năm cam kết làm việc tại Công ty khi cổ phần hóa theo khoản 2 điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: **89.200 cổ phần (tương ứng 0,25% tổng số cổ phần đang lưu hành).**
 - Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của Cổ đông chiến lược theo khoản 3 điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (Thời gian hạn chế chuyển nhượng 05 năm: Từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/11/2021): **9.720.000 cổ phần (tương ứng 27% tổng số cổ phần đang lưu hành).**
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:
 - Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ tài chính về hướng

dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

· Tại thời điểm ngày 31/12/2019, số lượng và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0% tổng số cổ phần đang lưu hành.

2. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2019 như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	218	36.000.000	100
1	Tổ chức	6	28.666.408	79,63
2	Cá nhân	212	7.333.592	20,37
II	Nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ đông lớn/nhỏ	218	36.000.000	100
1	Cổ đông lớn	2	25.920.000	72
2	Cổ đông nhỏ	216	10.080.000	28
IV	Cổ đông nhà nước/khác	218	36.000.000	100
1	Cổ đông nhà nước	1	16.200.000	45
2	Cổ đông khác	217	19.800.000	55
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/12/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán)

V. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là cung cấp dịch vụ Logistics, dịch vụ kho vận, kinh doanh và cho thuê kho ngoại, vận chuyển hàng hóa; và dịch vụ cung ứng nguồn nhân lực, xuất khẩu lao động sang làm việc tại nước ngoài...., vì vậy yếu tố đầu vào trong hoạt động của Công ty chính là yếu tố “con người”. Việc nhập nguyên vật liệu từ đối tác khác của Công ty là rất ít.

2. Tiêu thụ năng lượng:

Điện năng tiêu thụ tại Công ty được sử dụng trong việc chiếu sáng, chạy các thiết bị phục vụ cho hoạt động của CBNV làm việc tại Công ty. Xuất phát từ phương châm tiết kiệm năng lượng, các Phòng ban và tập thể người lao động luôn ý thức mọi hành động nhằm sử dụng điện năng một cách có hiệu quả và tiết kiệm.

3. Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước để phục vụ cho các hoạt động tại văn phòng, do đó lượng nước tiêu thụ là không đáng kể.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2019, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ môi trường được triển khai thường xuyên và nghiêm chỉnh, duy trì môi trường xanh – sạch.

5. Chính sách liên quan đến người lao động

• Chế độ làm việc:

- + Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, không quá 06 ngày/ tuần.
- + Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
- + CBNV được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn và bảo hộ lao động.

• Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

+ CBNV trong Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBNV,...từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Công ty.

+ Hàng năm, Công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Công ty.

• Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV của Công ty tự giác học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng.

Mức lương bình quân của người lao động qua các năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng Quỹ lương (đồng)	7.076.588.383	10.452.231.229	10.748.018.453
2	Số lao động bình quân (người)	50	59	60
3	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	11.794.314	14.763.038	14.948.565

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 được thể hiện qua các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông đặt ra như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		Thực hiện năm 2019		Tỷ lệ % thực hiện / kế hoạch	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	62.500	210.100	79.599	174.892	127,4%	83,2%
2	Tổng chi phí	62.500	203.800	88.448	176.737	141,5%	86,7%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	6.300	(8.849)	(1.845)	Không đạt	Không đạt
4	Lợi nhuận sau thuế	-	5.040	(8.849)	(3.600)	Không đạt	Không đạt

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động kinh doanh chính như khai thác kinh doanh tại Cảng cạn ICD Mỹ Đình; dịch vụ logistics; cho thuê văn phòng kho bãi; Doanh thu năm 2019 đạt 79.599 triệu đồng, vượt 127,4% so với kế hoạch đã đặt ra.

Lợi nhuận (riêng) trước thuế năm 2019 lỗ 8.849 triệu đồng, không đạt được so với kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận (hợp nhất) trước thuế lỗ 1.845 triệu đồng, không đạt kế hoạch đã đặt ra. Nguyên nhân do Công ty thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản:

- Cơ cấu tài sản của Công ty như sau:

+ Tại thời điểm đầu năm: Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn: 43,4% /56,6%;

+ Tại thời điểm cuối năm: Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn: 36,2% /63,8%;

- Có sự chuyển dịch giảm tài sản ngắn hạn và tăng tài sản dài hạn giữa thời điểm cuối năm so với đầu năm do trong năm giảm các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho, đồng thời huy động các nguồn tài chính cho công tác triển khai đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư góp vốn vào công ty liên kết.

2. Tình hình nợ phải trả:

- Tại thời điểm 01/01/2019: Tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 41%

- Tại thời điểm 31/12/2019: Tỷ trọng Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 51,3%

Việc huy động các nguồn tài chính cho công tác triển khai đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư góp vốn vào công ty liên kết dẫn tới tỷ trọng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2019 tăng 10,3% so với thời điểm đầu năm,

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Triển khai phân công việc theo từng đơn vị chuyên môn theo chức năng nhằm nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên, nâng cao năng suất lao động;

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành và áp dụng các quy chế, quy định hoạt động của Công ty; thúc đẩy việc áp dụng có hiệu quả hơn các quy trình vận hành kết hợp với đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua phương thức đánh giá KPI và các cách thức quản lý kịp thời;

- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp, an toàn và khoa học; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì tập thể công ty và cho xã hội;

- Thường xuyên tuyên truyền các giá trị doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi đến mọi nhân viên trong Công ty và tới các đối tác, khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty tiếp tục bám sát và thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Chủ động nắm bắt thời cơ kinh doanh mới kết hợp với những thế mạnh sẵn có, mở rộng phát triển quy mô, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng;

- Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông, thu nhập cho người lao động và gia tăng giá trị kinh tế;

- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp góp phần tăng cường nội lực và nâng cao vị thế kinh doanh;

- Triển khai công nghệ thông tin gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Đối với phần “Ý kiến kiểm toán” được ghi trong Báo cáo kiểm toán độc lập của Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2019, một số khoản công nợ phải thu khách hàng tồn đọng đã lâu, khó có khả năng thu hồi nhưng chưa được Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải

thu khó đòi. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu này cũng như giá trị cần phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi của chúng.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Công ty trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định do chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của các Công ty này.

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 22.433.273.239 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gói thầu số 11 của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình với giá trị 1,283 tỷ đồng từ trước năm 2014 của Công ty chưa được thanh lý và xem xét trích lập dự phòng.”

Giải trình về ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán như sau:

- Đối với nội dung trích lập dự phòng một số khoản công nợ phải thu quá hạn, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng vì Công ty xác định các khoản phải thu đó có đối chiếu công nợ, có khả năng thu hồi nên Công ty không thực hiện trích lập.

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, các khoản đầu tư khác Công ty chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận do một số công ty đang tạm ngừng hoạt động, chờ tái cấu trúc hoặc hoàn thiện thủ tục giải thể, phá sản.

- Đối với khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gói thầu số 11 của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình từ trước năm 2014 của Công ty chưa được thanh lý và xem xét trích lập dự phòng do Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình đang làm việc với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội (URENCO) để hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu 11.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:

Hàng năm, Công ty luôn phối hợp với đơn vị chuyên về công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, áp dụng triển khai thực hiện 5S - nền tảng cơ bản để thực hiện các hệ thống đảm bảo chất lượng xuất phát từ quan điểm: Nếu làm việc trong một môi trường lành mạnh, sạch đẹp, tiện lợi thì tinh thần sẽ thoải mái hơn, năng suất lao động sẽ cao hơn và có điều kiện để việc áp dụng một hệ thống quản lý chất lượng hiệu quả hơn.

Ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động mang tính xã hội. Các hoạt động trong năm 2019 như ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; ủng hộ quỹ nhân đạo, ủng hộ quỹ vì người nghèo xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; ủng hộ quỹ vì biển đảo Việt Nam, tham gia chương trình hiến máu nhân đạo năm 2019.

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 tiếp tục là một năm quan trọng sau giai đoạn cổ phần hoá và hậu cổ phần. Công ty tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu bộ máy tổ chức và nhân sự; đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh mũi nhọn để phát huy thế mạnh và tiềm năng; duy trì đầu tư ở các dự án trọng điểm; tìm kiếm các cơ hội hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước...Tuy nhiên, năm 2019 Công ty vẫn bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Cụ thể:

- HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Yêu cầu Tổng Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty, đặc biệt là hoạt động kinh doanh.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đồng thời ban hành hoặc chỉ đạo ban hành kịp thời các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát hiệu quả mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Kết quả, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đặc biệt thường xuyên bám sát triển khai các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để quản lý, điều hành doanh nghiệp theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, phân cấp, tuân thủ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Kịp thời phân công, điều chỉnh công việc nhằm đạt được kết quả tối ưu, phát huy các điều kiện thuận lợi, hạn chế khó khăn và linh hoạt trong tổ chức điều hành. Đồng thời, thực hiện Báo cáo tình hình hoạt động và phương hướng đề Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, từ đó Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, tình hình tài chính tạo thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. Triển vọng phát triển năm 2020:

Năm 2020 được nhận định sẽ năm hết sức khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung do ảnh hưởng nặng nề từ dịch cúm Covid-19 và còn tiềm ẩn nhiều diễn biến khó

lượng. Hoạt động vận tải và logistics Việt Nam cũng đang có sự suy giảm lớn ngay từ đầu năm do ảnh hưởng của dịch cúm Covid-19 khiến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải và logistics cũng đang lâm vào tình trạng khó khăn.

Đối mặt với những khó khăn trên đây đòi hỏi Công ty phải có một định hướng phát triển đúng đắn trong năm 2020, quyết liệt triển khai các biện pháp điều hành để giữ vững thị trường, khách hàng, tối giản các chi phí doanh nghiệp và thích ứng kịp thời với các biến động của thị trường vận tải và logistics do ảnh hưởng của dịch cúm Covid-19 gây ra.

2. Định hướng hoạt động năm 2020:

Trên cơ sở những nhận định về thị trường năm 2020, HĐQT sẽ chỉ đạo triển khai một số định hướng như sau:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Chỉ đạo BTGD tăng cường áp dụng các công cụ điều hành để duy trì doanh thu, giữ vững khách hàng, tối giản hóa các chi phí doanh nghiệp và hệ thống.
- Tiếp tục triển khai chiến lược đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2016 – 2021 theo định hướng đã được ĐHĐCĐ lần thứ nhất thông qua ngày 18/11/2016.
- Thực hiện xong việc thoái phần vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác phát triển thương hiệu ILS trong hệ thống nhằm nâng cao giá trị và sức mạnh thương hiệu.
- Tiếp tục duy trì, tăng cường phối hợp với BKS nhằm mục tiêu quản trị và kiểm soát hoạt động công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định.
- Nghiên cứu và ứng dụng giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị hệ thống ILS, quản trị tập trung nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và hệ thống.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2020.

PHẦN 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN

I. Ý kiến kiểm toán:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập số 287/2020/UHY-BCKT NGÀY 30/03/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế năm 2019:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2019, một số khoản công nợ phải thu khách hàng tồn đọng đã lâu, khó có khả năng thu hồi nhưng chưa được Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu này cũng như giá trị cần phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi của chúng.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Công ty trình bày theo phương pháp giá gốc mà chưa được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo quy định do chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của các Công ty này.

Chúng tôi chưa thu thập được xác nhận giá trị đầu tư cũng như Báo cáo tài chính của một số khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết, đầu tư khác với giá trị 22.433.273.239 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như đánh giá về giá trị thuần của các khoản đầu tư tại ngày 31/12/2019.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gói thầu số 11 của Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình với giá trị 1,283 tỷ đồng từ trước năm 2014 của Công ty chưa được thanh lý và xem xét trích lập dự phòng.

• Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

• Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đã lập hồ sơ gửi các bên liên quan tuy nhiên đang chờ Bộ Tài

chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét giải quyết.

Theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 và theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 15/08/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thì nguồn kinh phí đầu tư xây dựng Cảng nội địa ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức từ nguồn vốn vay tín dụng 80% và 20% là vốn tự có của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (nay là Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế), trong đó có lợi nhuận thu được từ chuyển đổi dự án của Cảng hiện tại tại ICD Mỹ Đình. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu dự án phải hoàn thành trong vòng 18 tháng, tiến độ dự án được dự kiến từ năm 2015 đến quý III năm 2017, theo đó nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được xây dựng trên đất thuê của Công ty mẹ sẽ phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty vẫn được tính khấu hao cho thời gian sử dụng từ 10 đến 13 năm vì Công ty mẹ đang trong thời gian hoàn thành các thủ tục chuyển đổi Dự án của Cảng này.”

II. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán, đã đăng trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://ils.com.vn>

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hoà